

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Áp dụng với Dự án cao tầng (Chung cư, văn phòng, thương mại,...)

Nội dung	Diện tích sàn dưới 50.000m ²		Diện tích sàn từ 50.000m ² đến dưới 200.000m ²			Diện tích sàn trên 200.000m ²			
	Năm 1	Năm 2	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Tiến độ xây dựng	50%	50%	35%	35%	30%	25%	25%	25%	25%
Tiến độ bán căn hộ		100%	0%	50%	50%	0%	35%	35%	30%
Tiến độ cho thuê Văn phòng, thương mại	Doanh thu từ năm thứ 3		Doanh thu từ năm thứ 4			Doanh thu từ năm thứ 5			
	Doanh thu, chi phí kết chuyển về thời điểm cuối năm								

2. Áp dụng với Dự án hỗn hợp (Nhà ở thấp tầng, cao tầng, thương mại,...) và Dự án nhà ở thấp tầng

Nội dung	Diện tích đất dưới 5ha		Diện tích đất từ 5 ha đến dưới 20 ha			Diện tích đất trên 20ha			
	Năm 1	Năm 2	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Tiến độ xây dựng	50%	50%	35%	35%	30%	25%	25%	25%	25%
Tiến độ bán nhà ở thấp tầng, căn hộ		100%		50%	50%	0%	35%	35%	30%
Tiến độ cho thuê văn phòng, thương mại	Doanh thu từ năm thứ 3		Doanh thu từ năm thứ 4			Doanh thu từ năm thứ 5			
	Doanh thu, chi phí kết chuyển về thời điểm cuối năm								

3. Áp dụng với Dự án Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp

Nội dung	Diện tích đất dưới 100 ha	Diện tích đất từ 100ha đến 300ha		Diện tích đất trên 300ha		
	Năm 1	Năm 1	Năm 2	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Tiến độ xây dựng	100% (Xây dựng trong 6 tháng đầu năm)	50%	50%	35%	35%	30%
Tiến độ bán hàng	100% (Bán hàng trong 6 tháng cuối năm)		100%		50%	50%
Tiến độ cho thuê	Doanh thu từ năm thứ 2	Doanh thu từ năm thứ 3		Doanh thu từ năm thứ 4		
	Doanh thu, chi phí kết chuyển về thời điểm cuối năm					